TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc; Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2019/TLST-HN/GĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1990

HKTT: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh H.

- *Bị đơn*: Anh **Đỗ Xuân T** - sinh năm 1982

HKTT: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh H.

Chị H, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T cùng thôn, tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 09/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, trong phát triển kinh tế gia đình luôn trái ngược nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, anh T thường đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con, không gửi tiền về cho chị nuôi con, đã vậy anh T còn có lời nói đe doạ, xúc phạm, đánh đập chị, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 6/2019 chị đã bỏ về nhà đẻ ở. Anh T có đến tìm chị nhiều lần, xác định có về chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị quyết định không về, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2019 không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hai bên gia đình không nói chuyện với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc,

không có khả năng đoàn tụ, anh T xin đoàn tụ chỉ là cố tình gây khó khăn cho chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Đỗ Diễm Q, sinh ngày 27/01/2008, Đỗ Trung N, sinh ngày 19/4/2014, Đỗ Hoàng A, sinh ngày 21/11/2015. Cháu Q, cháu A có nguyện vọng ở với chị, chị nhất trí, cháu N có nguyện vọng ở với anh T, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu. Anh T yêu cầu nuôi cả 03 con chị không chấp nhận. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho hai con chung, thu nhập hiện tại của chị khoảng trên dưới 10 triệu đồng, điều kiện gia đình chị có nhà đất riêng, sẵn sàng hỗ trợ cho chị mọi mặt để nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Toà án, tại phiên toà nh Đỗ Xuân T trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn vui vẻ hòa thuận, anh phát hiện chị H có quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh vẫn tha thứ để mong chị H suy nghĩ về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Chị H nói anh đi làm không quan tâm và gửi tiền về cho chị nuôi con chung là không đúng vì anh vẫn thỉnh thoảng gửi tiền về qua bố mẹ anh đưa các cháu. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù ngày 05/02/2020 anh và chị H đã ký Biên bản thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh suy nghĩ lại nên không nhất trí thuận tình ly hôn, anh đề nghị Toà án giải thích, hoà giải để chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ với anh.

Về con chung: Anh và chị H có ba con chung như chị H trình bày, trường hợp ly hôn anh đề nghị được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị D (*là mẹ đẻ chị H*) xác định: Quá trình chung sống, chị H, anh T hoà thuận được 3 năm đã phát sinh mâu thuẫn, anh T đi làm nhưng không đưa tiền cho chị H nuôi con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ tháng 6/2019 chị H đưa ba con về nhà bà ở. Chị H xin ly hôn, bà đề nghị Toà án xem xét theo nguyện vọng của chị H. Chị H nuôi con bà sẽ tạo điều kiện tách một mảnh đất cho chị H ở.

Ông Đỗ Xuân B (*là bố đẻ anh T*) xác định: Trong thời gian chung sống, chị H, anh T có mâu thuẫn nhưng không lớn, đến tháng 6/2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H đưa con về nhà đẻ ở, không có nói với anh T và vợ chồng ông. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa. Hai gia đình không gặp để dàn xếp cho vợ chồng. Từ khi chị H bỏ đi không quay lại với anh T, không vào nhà ông hoặc hỏi han gia đình ông. Việc ly hôn do anh, chị quyết định. Trường hợp anh T được nuôi con chung, gia đình ông tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ anh T trong việc nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

Về con chung: Xử giao cho chị H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Diễm Q, sinh ngày 27/01/2008, Đỗ Hoàng A, sinh ngày 21/11/2015; Giao anh T nuôi dưỡng con chung Đỗ Trung N, sinh ngày 19/4/2014 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2008 tại UBND xã P, huyện T.

Trong quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi làm xa nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con, quan điểm sống thường trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 6/2019 chị đã đưa ba con về nhà đẻ ở. Về phía anh T xác định cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn, chị H tuy có quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh vẫn tha thứ mục đích vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Chị H đã đưa con về nhà đẻ ở từ tháng 6/2019, anh đến tìm nhưng chị H không chấp nhận đoàn tụ, hai bên gia đình không gặp nhau để hoà giải khuyên ngăn giúp vợ chồng đoàn tụ. Anh biết chị H quyết tâm ly hôn nhưng anh không có biện pháp, điều kiện gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án gọi báo làm việc và hoà giải nhưng anh cố tình không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Toà án. Chính anh cũng có lúc xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên đã thuận tình ly hôn sau đó mục đích gây khó khăn cho chị H nên lại không nhất trí ly hôn.

Từ những đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị H, anh T có ba con chung là Đỗ Diễm Q, sinh ngày 27/01/2008, Đỗ Hoàng A, sinh ngày 21/11/2015, Đỗ Trung N, sinh ngày 19/4/2014. Cả hai bên đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, đều trình bày khả năng đảm bảo nuôi dạy con chung và không yêu cầu bên không nuôi cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Căn cứ quy định chung của pháp luật, vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con chung, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau ly hôn đối với con chung, nếu không thoả thuận được thì Toà án quyết định trên cơ sở căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hiện chị H buôn bán tự do, bán mỹ phẩm và hương trầm, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, lại có mẹ đẻ giúp chị trông nom đưa đón các cháu, điều kiện nhà cửa cũng đảm bảo như bà D mẹ đẻ chị H xác định. Đối với anh T tuy cũng làm nghề tự do, có thu nhập nhưng anh thường đi làm ăn xa, ít

quan tâm đến con chung, nguyện vọng các con chung có một cháu nguyện vọng ở với anh còn hai con chung nguyện vọng ở với chị H, vì vậy việc anh đề nghị nuôi cả ba con chung không có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đảm bảo quyền lợi người phụ nữ và trẻ em khi ly hôn, Toà án chấp nhận ý kiến của chị H, giao chị được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Diễm Q, sinh ngày 27/01/2008, Đỗ Hoàng A, sinh ngày 21/11/2015; Giao anh T nuôi dưỡng con chung Đỗ Trung N, sinh ngày 19/4/2014 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị H, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị H khởi kiện vụ án HNGĐ nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

2- Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đỗ Diễm Q, sinh ngày 27/01/2008, Đỗ Hoàng A, sinh ngày 21/11/2015, giao anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Trung N, sinh ngày 19/4/2014 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003039 ngày 04-12-2019.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đương sự. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Miện;*
- *UBND xã Phạm Kha;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Xuân Thành